



thuế năm 2016 là 6,36 điểm, tăng so với năm 2014 (là 5,36 điểm). Sự phục vụ của cán bộ công chức thuế được đánh giá theo 3 nhóm chỉ tiêu thành phần là: Chất lượng công chức, sự am hiểu chuyên môn và sự thành thạo kỹ năng làm việc. Theo đó, có 53% DN đánh giá tốt/rất tốt cán bộ thuế hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu và tuân thủ đúng quy trình giải quyết công việc (tăng 9% so với 2014); Tỷ lệ cán bộ thuế am hiểu chuyên môn nghiệp vụ cũng được DN đánh giá cao ở các bộ phận như Kế khai kế toán thuế (67%); Thanh tra, kiểm tra thuế (65%); Quản lý nợ và cưỡng chế cũng đạt (60%).

- Về chỉ số đánh giá về kết quả giải quyết công việc của cơ quan thuế: Việc đánh giá kết quả giải quyết công việc của cơ quan thuế được thực hiện thông qua các chỉ số đánh giá trực tiếp và chỉ số tổng hợp. Khảo sát năm 2016 tiếp tục đề nghị các DN cho biết về tình trạng chi trả chi phí không chính thức khi tiếp xúc với cán bộ thuế. Theo kết quả khảo sát, có 34% DN cho biết có hiện tượng chi trả chi phí không chính thức. Điểm số chung về chỉ số Kết quả giải quyết công việc của cơ quan thuế năm 2016 là 7,78 điểm, tăng so với năm 2014 (là 7,53 điểm).

Mặc dù, sự hài lòng của NNT đã tăng lên đáng kể, song tiến trình cải cách TTHC thuế vẫn tồn tại một số hạn chế như: Văn bản hướng dẫn về thuế còn “ôm đồm” các chính sách xã hội, quản lý kinh tế... cũng như tập trung quá nhiều vào việc “đóng” các kẽ hở nhỏ, ngăn chặn các DN lợi dụng sự thông thoáng của việc thành lập DN để gian lận thuế.

Bên cạnh đó, một bộ phận NNT chưa nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật thuế, lợi dụng sự thông thoáng trong chính sách quản lý, sử dụng hóa đơn, thành lập DN để trốn thuế, trục lợi tiền thuế (từ năm 2011- 2013, đã có 10.373 vụ vi phạm pháp luật về thuế bị xử lý). Hiện nay, cơ quan Thuế vẫn chưa có chức năng thanh tra hành chính, nên hoạt động kiểm tra, phát hiện, răn đe đối với các hành vi vi phạm của công chức trong thực thi công vụ chưa hiệu quả...

Tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuế

Mục tiêu của cải cách quản lý thuế đến năm 2020 là hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, TTHC theo định hướng chuẩn mực quốc tế; Nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ; Kiện toàn, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị; Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế;

Nhằm thực hiện hiệu quả Chiến lược trên, cần tập trung xử lý đồng bộ những vấn đề sau:

Thứ nhất, về thể chế. Nguồn gốc của hệ thống TTHC cùng các biểu mẫu kê khai bắt nguồn từ quy định tại các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện. Do vậy, trước hết phải rà soát các nội dung, chính sách bất cập, thiếu rõ ràng, minh bạch, đồng bộ thuộc thẩm quyền các cấp ban hành, để đề xuất kiến nghị phương án xử lý...

Thứ hai, về TTHC thuế. Song song với hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế, TTHC cũng cần theo hướng chuẩn mực quốc tế. Cụ thể, ngành Thuế không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ; Kiện toàn, hoàn thiện

Sự hài lòng của doanh nghiệp đối với cải cách thủ tục hành chính thuế được đánh giá theo các khía cạnh sau: Tiếp cận thông tin chính sách, pháp luật và thủ tục hành chính thuế; Thực hiện các thủ tục hành chính thuế; Thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại thuế; Sự phục vụ của công chức thuế; Kết quả giải quyết công việc.

cơ sở vật chất, trang thiết bị; Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho người nộp thuế; Nâng cao năng lực hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của người nộp thuế... Áp dụng đồng bộ cả việc nộp tờ khai thuế và nộp thuế điện tử. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở phân loại rủi ro, đồng thời chuyển đổi cơ chế từ tiền kiểm sang hậu kiểm để tạo điều kiện thuận lợi và giảm phiền hà cho người nộp thuế...

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển đại lý thuế. Cần thực hiện giải pháp thực hiện các thủ tục về thuế như: Tính thuế, kê khai, quyết toán thuế thông qua đại lý thuế là hợp lý nhất.

Thứ tư, về nguồn nhân lực cán bộ công chức thuế. Trên thực tế, đội ngũ cán bộ thuế có trình độ về nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ để đảm nhiệm công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là vấn đề chống chuyển giá còn yếu và thiếu nghiêm trọng. Để khắc phục được tình trạng này, cần có bước đột phá trong cải cách tiền lương đối với cán bộ công chức thuế để thu hút nhân tài, hạn chế tình trạng tiêu cực.



Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 02/06/2010, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27/12/2010 của Thủ tướng chính phủ;
2. Quyết định 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011, Quyết định số 420/QĐ-BTC ngày 03/3/2014;
3. Thông tư số 119/2014/TT-BTC về cải cách, đơn giản TTHC thuế;
4. Website: <http://www.gdt.gov.vn>



DỰ TRỮ NGOẠI HỐI CỦA VIỆT NAM VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA SAI LỆCH TỶ GIÁ

ThS. PHAN TIẾN NAM - Học viện Tài chính

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đến nay đã có nhiều nghiên cứu tìm hiểu về hiện tượng sai lệch tỷ giá với mục đích nhận biết được dấu hiệu của sai lệch tỷ giá, kịp thời đưa ra những điều chỉnh, để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, sai lệch tỷ giá gây ra nhiều bất ổn kinh tế, gia tăng khuyết tật của thị trường, thậm chí là khủng hoảng. Vì vậy, mỗi quốc gia cần xác định mức tỷ giá cân bằng dài hạn như là mỏ neo cho các hoạt động kinh tế.

Từ khóa: Tỷ giá, ngoại hối, ngân hàng, tổ chức tín dụng, ngoại hối

Since the global economic crisis, there have been various of studies about exchange rate variances in attempt to discover phenomena of exchange rate variances for timely adjustment to ensure economic growth and social welfare. Those studies show that exchange rate variances cause fluctuations and defects and even crisis on the market. Therefore, each country has to identify a specific long-term balance exchange rate to anchor the other economic activities.

Keywords: Exchange rate, foreign currency, bank, credit organization,

Tình hình dự trữ ngoại hối của Việt Nam

Quy mô dự trữ ngoại hối là một trong những chỉ số quan trọng đối với các nền kinh tế, nhất là đối với các nước có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Nếu một nước có lượng dự trữ ngoại hối thấp hoặc quá mỏng sẽ gây tác động tiêu cực tới khả năng thanh toán quốc tế cũng như an ninh tài chính tiền tệ của nước đó. Ngược lại, nếu nguồn dự trữ quá lớn thì sẽ làm phát sinh chi phí cho việc nắm giữ dự trữ ngoại hối, do lợi nhuận thu được từ đầu tư dự trữ ngoại hối thường thấp hơn chi phí đi vay vốn nước ngoài.

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), nguồn ngoại tệ chủ yếu trong lượng dự trữ của Việt Nam, tính đến tháng 10/2016 là khoảng 40 tỷ USD, phần lớn thu được từ xuất khẩu hàng hóa. Phân tích

dữ liệu giai đoạn (từ quý I/1995 – quý II/2016) có thể thấy, khi Việt Nam bắt đầu đặt mối quan hệ thương mại bình thường trở lại với Mỹ (quý I/1995), dự trữ ngoại hối của Việt Nam mới chỉ ở mức 961 triệu USD. Nếu so sánh với kim ngạch nhập khẩu tương ứng cùng quý I/1995 (là 1.234 triệu USD), thì dự trữ ngoại hối không đủ đáp ứng nhu cầu nhập khẩu theo quy định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

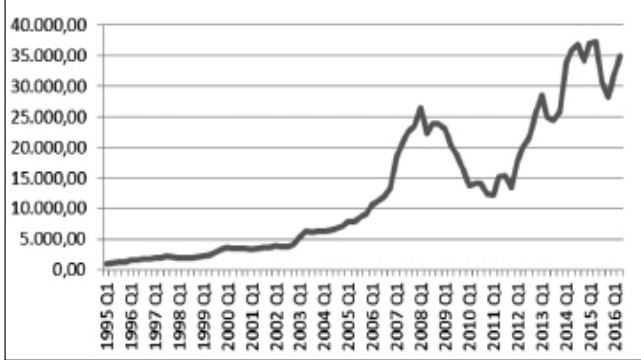
Đến quý I/2008, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã ổn định trở lại, có bước tăng trưởng đột biến, khi dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài chảy vào giai đoạn 2007 - 2008 với mức tăng từ 13 tỷ USD lên hơn 26 tỷ USD. Những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như các bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước đã khiến cho thị trường ngoại hối, cũng như tỷ giá VND/USD liên tục bị biến động mạnh.

Để tiếp tục bình ổn thị trường ngoại hối cũng như tỷ giá VND/USD, bên cạnh những biện pháp chính sách tiền tệ và hành chính, từ đầu năm 2009, NHNN đã tích cực ổn định thị trường ngoại hối, sử dụng quỹ dự trữ ngoại hối để can thiệp vào thị trường, khiến cho quỹ dự trữ ngoại hối giảm xuống mức đáy là 12,58 tỷ USD vào tháng 01/2011. Cùng với các chính sách và nỗ lực ổn định thị trường ngoại hối, thị trường vàng, ổn định lạm phát, từ năm 2012 dự trữ bắt đầu tăng, đạt tới mức kỷ lục khoảng 40 tỷ USD vào tháng 10/2016.

Tuy NHNN Việt Nam đã tranh thủ mua vào 10 tỷ USD trong ba năm qua, song dự trữ ngoại hối vẫn là thấp nếu so với các nước trong cùng khu vực cũng như nếu tính theo tuần/tháng nhập khẩu. Thống kê vào năm 2014 của Ngân hàng ANZ cho thấy, dự trữ ngoại hối của Việt Nam có thể chịu đựng tối thiểu 3,1 tháng nhập khẩu nếu tính theo kim ngạch nhập khẩu của năm 2015 (165,6 tỷ USD theo số liệu của Tổng cục Hải quan). Trong

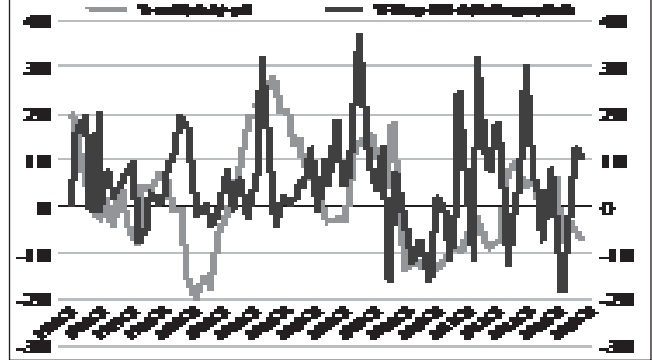


HÌNH 1: DỰ TRỮ NGOẠI HỐI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN QUÝ I/1995 - II/2016



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

HÌNH 2: MỐI QUAN HỆ GIỮA SAI LỆCH TỶ GIÁ VÀ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN QUÝ I/1995 - QUÝ I/2016



Nguồn: IFS, tác giả tự tính toán

khi đó, nếu so sánh với các nước trong khu vực, dự trữ ngoại hối của Việt Nam chỉ bằng 1/2 của Indonesia, 1/3 của Singapore và 1/8 của Trung Quốc.

Bên cạnh mối quan ngại đó, tín hiệu tích cực của sự gia tăng trong quy mô dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã duy trì lòng tin về khả năng đảm bảo thanh toán nghĩa vụ nợ nước ngoài của nền kinh tế, khả năng hỗ trợ giá trị của VND, khả năng đảm bảo tài chính của quốc gia, góp phần thu hút đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài...

Tác động của sai lệch tỷ giá tới dự trữ ngoại hối của Việt Nam

Hình 1 cho thấy, mấu chốt của vấn đề là nội tệ định giá thực thấp đã khuyến khích xuất khẩu, kéo theo mức tăng dự trữ ngoại hối. Dĩ nhiên là còn có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới dự trữ ngoại hối nhưng có thể khẳng định rằng, ở đây có sự tương quan thuận chiều ở các giai đoạn từ quý II/2011 trở về đây. Mức tăng dự trữ ngoại hối lớn nhất vào quý I/2014 lên tới 30,36%. Ở một số thời điểm tình hình bất ổn của kinh tế thế giới tác động đến kinh tế trong nước, tuy nội tệ định giá thực thấp nhưng NHNN cũng phải can thiệp vào thị trường ngoại hối, nên ít nhiều quy mô dự trữ ngoại hối cũng bị giảm sút, nhất là hai năm 2009 và 2010.

Đôi khi, sai lệch tỷ giá lại có ảnh hưởng không tốt tới mức tăng dự trữ do chi phí can thiệp trung hòa lớn của Ngân hàng Trung ương. Ví dụ: Giai đoạn 2006 - 2008, lượng kiều hối và dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài ồ ạt chảy vào Việt Nam làm nội tệ lên giá và lạm phát tăng. Như vậy, trong vai trò quản lý Ngân hàng Trung ương có thể thực thi 2 giải pháp sau: Cho phép tỷ giá giảm; Can thiệp để ngăn chặn tỷ giá giảm.

Thực tế hiện nay cũng cho thấy, NHNN Việt Nam đã lựa chọn cách thứ hai, can thiệp để ngăn ngừa tỷ giá giảm, tránh cho tỷ giá biến động nhiều, gây hậu quả là mức dự trữ ngoại hối sụt giảm, lạm phát tăng...

Với biện pháp điều hành tỷ giá linh hoạt, phát

hành trái phiếu, tăng tỷ lệ dự trữ... NHNN đã góp phần ổn định mối quan hệ giữa tăng cung tiền với tăng lạm phát. Tuy nhiên, cả lý thuyết và thực nghiệm đều chỉ ra rằng, các biện pháp trên chỉ mang tính ngắn hạn. Bởi vì, với lượng trái phiếu NHNN phát hành ra nhiều hơn khả năng hấp thụ của thị trường tài chính trong nước thì buộc NHNN phải tăng lãi suất của các trái phiếu. Khi đó, lãi suất cần thiết để làm cho trái phiếu và các công cụ nợ khác hấp dẫn trở nên tốn kém đối với cả ngân sách và chính sách can thiệp của NHNN.

Ngoài ra, chi phí can thiệp trung hòa là rất lớn. Thông thường, để trung hòa nội tệ trong lưu thông, NHNN phải phát hành tín phiếu với lãi suất cao (Mức lãi suất cao nhất là 11,68% ngày 25/3/2010). Trong khi đó, hình thức đầu tư của dự trữ ngoại hối Việt Nam hiện cũng còn đơn giản, chủ yếu là dưới dạng tiền gửi tại các ngân hàng và các công cụ tài chính như trái phiếu chính phủ. Mức chênh lệch giữa chi phí NHNN bán tài sản nợ nội tệ với lợi tức cao để mua tài sản có ngoại tệ với lợi tức thấp làm tăng thêm rủi ro lãi suất. Mức chênh lệch càng lớn sẽ đẩy chi phí can thiệp cao lên. Do đó, can thiệp mua ngoại tệ có thể làm xấu đi nhanh chóng bảng cân đối tài sản của ngân hàng Trung ương, làm xói mòn tính độc lập và niềm tin vào chính sách tiền tệ.

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Quang Huy, Nguyễn Thị Thu Hằng và Vũ Phạm Hải Đăng (2011), *Tỷ giá hối đoái giai đoạn 2000 - 2011: Mức độ sai lệch và tác động đối với xuất khẩu, nghiên cứu do Ủy ban Kinh tế Quốc hội (Chủ trì), NXB Tri thức (2013);*
2. Đinh Thị Thanh Long và cộng sự (2014), *Đo lường mức độ sai lệch tỷ giá: Kinh nghiệm quốc tế và những gợi ý chính sách cho Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học, Học viện Ngân hàng;*
3. Michael Funke and Jörg Rahn, (2005), "Just How Undervalued is the Chinese Renminbi? The World economy", *Va. 28, 2005, p. 465 – 489;*
4. Các website: *sbv.org.vn, mof.gov.vn, customs.gov.vn, gso.org.vn, imf.org, worldbank.org...*